

Bản án số: 80/2024/HS-PT

Ngày: 19-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* bà **Lê Thị Xuân Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Hồ Văn L cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Hồ Văn L**, sinh ngày 07/7/1985, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Ka dong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đình L1 (*đã chết*) và bà Hồ Thị N; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 12/12/1976, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Ka dong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị L3; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại. Có mặt.

3. **Đặng Văn P**, sinh ngày 21/5/1991, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Ka dong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Trọng Q (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị Xuân R; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; đang được tại ngoại. Có mặt.

4. **Trương Văn D**, sinh ngày 10/5/1991, tại: huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Ka dong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đ và bà Hồ Thị N (*đều đã chết*); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Văn L và Trương Văn D*: ông Hồ Minh T1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn P và Nguyễn Văn T*: bà Nguyễn Linh D1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 5/2019, trong lúc đi tía lúa thì Hồ Văn L phát hiện một cây gỗ Chò Nâu tại khu vực núi T thuộc Thôn B, xã T, huyện N. Đến đầu tháng 7/2019, do cần gỗ để sửa chữa nhà ở cho mình, L đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T nhờ nói lại với Nguyễn Văn T2 (*sinh ngày 21/6/2000, con ruột Tôn*) đi hạ giúp cây gỗ Chò Nâu này. Tôn nói đồng ý, L chỉ đường đi, vị trí, đặc điểm cây gỗ Chò N1 (*nói ở rẫy T, cây to, cao nhất và còn lại duy nhất*) cho T biết. Tôn sợ T2 không biết cách hạ cây gỗ nên nói lại với T2 là nếu anh L nhờ đi hạ cây thì không đi.

Khoảng ba tuần sau, L tiếp tục điện thoại cho T nhờ cưa hạ cây gỗ trên. Sau đó, T qua nhà gặp Đặng Văn P (*ở gần nhà*), kể lại chuyện L nhờ đi cưa cây và rủ P đi cùng, P đồng ý. Khoảng hai tuần sau, T chuẩn bị một cưa lóc, một lam cưa 80cm, một cái rựa, một sên cưa, khoảng 1,5 lít xăng chứa trong một can nhựa màu trắng loại 10 lít và khoảng 01 lít luy n thải chứa trong vỏ chai nước suối loại 1,5 lít, cùng với P đi lên cưa hạ cây gỗ Chò Nâu. Trước khi đi, T thấy Trương Văn D (*là hàng xóm*) đang đi bộ trước nhà nên T hỏi D có rảnh thì cùng đi làm, D đồng ý. Sau đó, cả 03 đi bộ lên khu vực núi T. Tôn là người đi trước dẫn đường, xách can xăng, bình luy n, P cầm lam, sên cưa, rựa, D cõng cưa lóc đi theo sau. Khi đến khu vực núi T, nhìn thấy một cây gỗ Chò Nâu có đặc điểm như L đã mô tả thì tất cả dừng lại. T nói P làm máy để cưa hạ cây, D dùng rựa phát cây bụi xung quanh gốc, cùng T chặt cây, nhặt các đoạn cây rừng nhỏ làm giá đỡ, P đứng lên giá cưa thì T đứng dưới chỉ, hướng dẫn cưa và cùng với D thay nhau phụ giúp như cầm cưa, sửa giá đỡ, D còn phát đường để cho P chạy khi cây ngã xuống. Phụng cưa khoảng 30 phút thì cây ngã đổ. Sau đó, T gọi điện thoại báo cho L biết là đã cưa hạ cây Chò Nâu. Lai chỉ nói "Ừ, ừ, để đó..." rồi cúp máy. Khi điện thoại T có bật loa ngoài nên D đứng gần bên nghe được, P đang đi vệ sinh nên không biết. Sau đó, cả 03 người đi về nhà T. Tại đây, T có

nói là hạ cây gỗ này cho anh L, Phó Chủ tịch xã, P và D không ai nói gì rồi đi về.

Đến khoảng đầu tháng 9/2019, L có gặp và yêu cầu T đi xẻ cây gỗ trên thành đà và ván làm nhà, phần còn lại của giúp luôn cho ông Nguyễn Đức T3 (sinh năm 1968, trú cùng xóm Làng L, Thôn B, xã T) làm nhà đại đoàn kết (Lai biết được quỹ “Vì người nghèo” của Mặt trận huyện có hỗ trợ cho ông T3 tiền để làm nhà, trước sau gì ông T3 cũng có nhu cầu về gỗ, việc phụ giúp gỗ chỉ là ý định từ một mình Lai, ông T3 hoàn toàn không biết). Tuy nhiên, lúc này T biết việc của hạ cây gỗ này đã bị Hạt Kiểm lâm huyện phát hiện, nên T nói “Đề đó, đề đó...” nhưng thực chất là từ chối, không dám đi của xẻ.

Đến ngày 17/9/2019, Hạt Kiểm lâm huyện N phát hiện ra sự việc nên tiến hành xác minh, T, P khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc. Đến ngày 30/10/2019, Hạt Kiểm lâm huyện ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra theo thẩm quyền. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành làm việc với Trương Văn D. Đến ngày 09/01/2020, Hồ Văn L đến Công an huyện để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 09/10/2019 ghi nhận: Tại tọa độ: X540377, Y1667730, Lô B, K, Tiểu khu H, thuộc địa phận Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam quy hoạch là rừng phòng hộ là rừng tự nhiên hỗn giao 2 (HG2) có 01 cây Chò Nâu (gỗ thông thường nhóm VI) bị của hạ bằng của lóc, có đường kính bình quân gốc chặt là 125cm, chiều cao gốc chặt 40cm, khối lượng là 15,615m³, thân cây được chia thành 02 đoạn dính liền, đoạn thứ nhất (đoạn thân) dài 17,40m, đường kính 100cm, có khối lượng 13,665m³ và đoạn thứ hai (đoạn nhánh) dài 5,45m, đường kính 67,5cm, có khối lượng 1,950m³. Diện tích rừng bị thiệt hại xung quanh khu vực ngã đổ của cây C là không đáng kể, do thân cây ngã nằm trên mặt đất trống theo hướng Đông Bắc. Chủ quản lý là Ban Q1.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 14/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Hồ Văn L 12 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù, bị cáo Đặng Văn P 06 tháng tù và bị cáo Trương Văn D 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có cung cấp Đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật nơi cư trú và giấy xác nhận gia đình có công với cách mạng, bị cáo T nộp 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo P nộp 6.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo D nộp 6.389.833 đồng để khắc phục hậu quả; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo L có thành tích trong quá trình công tác nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo L, T, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo L, T và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, D, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo P, D được hưởng án treo. Cụ thể: xử phạt bị cáo L 09 tháng tù, bị cáo T 06 tháng tù và xử phạt các bị cáo P, D mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Văn L, Trương Văn D phát biểu quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo L, D có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L và cho bị cáo D được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn P, Nguyễn Văn T phát biểu quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo P, T có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xin được hưởng án treo.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: vì muốn có gỗ để làm nhà, bị cáo Hồ Văn L đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn T cưa hạ 01 cây gỗ Chò Nâu, tại Lô B, K, Tiểu khu H, thuộc núi T, Thôn B, xã T, huyện N (*được quy hoạch chức năng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên hỗn giao 2*) nhằm mục đích cưa xẻ theo quy cách làm nhà ở. Bị cáo T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện cho việc cưa gỗ và rủ các bị cáo Đặng Văn P, Trương Văn D cùng tham gia cưa hạ cây gỗ cùng với bị cáo. Hậu quả làm thiệt hại 01 cây gỗ Chò Nâu (*thuộc thực vật rừng thông thường nhóm VI*), có tổng khối lượng gỗ là 15,615m³. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam đã kết án các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn L, Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D, thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với các bị cáo và xử phạt: bị cáo L 12 tháng tù, bị cáo T 09 tháng tù, các bị cáo P, D mỗi bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L cung cấp giấy xác nhận gia đình có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L đang là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện N nhưng không gương mẫu trong việc bảo vệ rừng, giữ vai trò chủ mưu, nhờ bị cáo T thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo L.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T, P, D đã nộp thêm tiền để bồi thường thiệt hại, cụ thể: bị cáo T nộp 4.000.000 đồng, bị cáo P nộp 6.000.000 đồng, bị

cáo D nộp 6.389.833 đồng và các bị cáo cung cấp giấy xác nhận gia đình có công với cách mạng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T, sau khi xét xử sơ thẩm, phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét thấy bị cáo là người được bị cáo L nhờ thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép (để được L cho tiền), đã chuẩn bị công cụ, phương tiện khai thác gỗ và rử rê, lôi kéo các bị cáo P, D cùng thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo, chỉ có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng các bị cáo P, D đã thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép khi được bị cáo T rử rê, lôi kéo; sau khi xét xử sơ thẩm, phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới và các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo. Do các bị cáo P, D là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên được miễn việc khấu trừ thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, D, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn cho các bị cáo P, D.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hồ Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; tuy nhiên, bị cáo L là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Văn L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam về hình phạt đối với bị cáo Hồ Văn L.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Hồ Văn L 12 (Mười hai)** tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 06 (Sáu)** tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn P, Trương Văn D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam về hình phạt đối với các bị cáo Đặng Văn P, Trương Văn D.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn P 18 (Mười tám)** tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Trương Văn D 15 (Mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 14/12/2023 đến ngày 19/3/2024 (*01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ*). Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trương Văn D.

Giao các bị cáo Đặng Văn P, Trương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Đặng Văn P, Trương Văn D được miễn việc khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Hồ Văn L được miễn án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Văn P và Trương Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/3/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CQTHAHS CA huyện Nam Trà My;
- CQCSĐT CA huyện Nam Trà My;
- VKSND huyện Nam Trà My;
- TAND huyện Nam Trà My;
- Chi cục THADS huyện Nam Trà My;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp Q.Nam;
- Bị cáo.
- Lưu HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo